

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
của Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Như Điều 3;
- Lưu :VT, TCKT



HIỆU TRƯỞNG

***Khuất Quang Tuấn**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ CÔNG NGHIỆP**

Chương: 016

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 07a/QĐ-CNKTCN ngày 09 tháng 01 năm 2025)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	81.930
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	81.930



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.970
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	61.960
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	0
1	Chi Chương trình mục tiêu	
	CTMT giáo dục nghề nghiệp, việc làm và an toàn lao động	
2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	

ĐK Hồng
Bản chuẩn
BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

17/01/25
Số: 3696/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025



BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024; Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ℓ*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ HCSN-BTC;
- Vụ NSNN-BTC;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng
Phan Thị Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Công nghệ và K tế CN

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Phổ Yên - Thái Nguyên

Mã số SDNS của đơn vị: 1054098

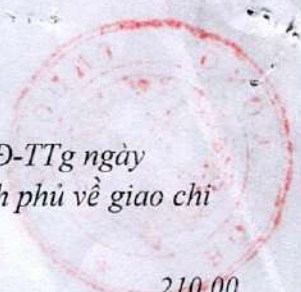
Mã số KBNN: 2263

(Kèm theo Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	0,000
	Học phí, lệ phí	0,000
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	0,000
	Học phí, lệ phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
I	Số giao dự toán ngân sách năm 2025	81.930,000
	Trong đó: Kinh phí giao tự chủ	19.970,000
	Kinh phí không giao tự chủ	61.960,000
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
I	Sự nghiệp Giáo dục đào tạo	81.740,000
1	Kinh phí chi thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	21.780,000
	Kinh phí giao tự chủ	19.780,000
	Kinh phí không giao tự chủ (mua sắm, sửa chữa)	2.000,000
2	Kinh phí thực hiện nghị định 81/2021/NĐ-CP - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	27.787,000
	Kinh phí giao tự chủ	
	Kinh phí không giao tự chủ	27.787,000
3	Kinh phí thực hiện Nghị định số 61/2015/NĐ-CP - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	2.400,000
	Kinh phí giao tự chủ	
	Kinh phí không giao tự chủ	2.400,000
4	Kinh phí thực hiện định Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	29.773,000
	Kinh phí giao tự chủ	
	Kinh phí không giao tự chủ	29.773,000
5	Kinh phí tiết kiệm 10% - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	190,000
	Kinh phí giao tự chủ	190,000
	Kinh phí không giao tự chủ	0,000

Ghi chú: Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 và Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025



(*)Nghị định số 61/2015/NĐ-CP - Loại 070 khoản 093 năm 2024:	210,00
(*)Nghị định số 61/2015/NĐ-CP - Loại 070 khoản 093 năm 2025:	2.190,00
(*)Nghị định 81/2021/NĐ-CP - Loại 070 khoản 093 năm 2024:	8.776,00
(*)Nghị định 81/2021/NĐ-CP - Loại 070 khoản 093 năm 2025:	19.011,00

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về số lượng học sinh, sinh viên tuyển sinh theo đúng chỉ tiêu được Tổng cục dạy nghề giao hàng năm, không vượt quy mô tuyển sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các đơn vị rà soát, tổng hợp hồ sơ chi tiết các đối tượng được hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg và thực hiện, thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

(**) Loại 070-093 Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng (Kinh phí chi thường xuyên thực hiện mua sắm thiết bị; sửa chữa hạng mục): 2.000 triệu đồng, bao gồm:

+ Sửa chữa hạng mục: Sửa chữa thang máy nhà giảng đường 7 tầng; Sơn và làm chống thấm Nhà hiệu bộ 5 tầng; Sơn nhà giảng đường 7 tầng; ...